TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 560/2024/DS-PT Ngày 27-9-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Công K, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: số C, đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bảo A1, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh và ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 2000; địa chỉ: số I, lô C, đường F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: số B đường T, tổ B, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: số H tổ C, khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Trương Công K, bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A trình bày: do có mối quan hệ quen biết với nhau, bà Nguyễn Thị L ngỏ ý hỏi vay tiền vợ chồng ông K và bà Vân A để làm ăn. Ngày 10/4/2022, bà L có hẹn ông K và bà Vân A ra quán cà phê để nói chuyện và hỏi vay mượn số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 10/04/2022 đến ngày 10/04/2023), khoản tiền này ông K và bà Vân A cho L vay không lấy lãi suất. Do tin tưởng nên ông K và bà Vân A để bà L tự ghi giấy vay tiền có lăn tay, ký tên. Do chỗ chị em nên ông K và bà Vân A cũng không để ý và xem giấy mượn tiền nên khi bà L viết xong ông K cất giấy vay tiền vào túi. Khi ông K và bà Vân A mở giấy vay tiền ra thì thấy người vay tiền là bà Phạm Thị H. Ông K và bà Vân A có hỏi bà L tại sao lại ghi như vậy thì bà L nói rằng ghi vậy để gia đình bà L không biết. Bà L thừa nhận khoản nợ này và cam kết sẽ trả.

Đến ngày 26/05/2022, ông K và bà Vân A tiếp tục cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền là 960.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm tại Văn phòng C, số C, quyển số: 05/2022/TP/CC SCC/HĐGD với thời hạn vay là 01 năm với lãi suất là 0,5%/tháng. Đối với khoản vay này, hai bên thỏa thuận sẽ trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, do bà L nại ra lý do làm ăn khó khăn nên xin từ từ đóng lãi, do chỗ quen biết nên ông K và bà Vân A đồng ý. Nay thời hạn vay đã hết, ông K và bà Vân A có yêu cầu bà L trả tiền gốc và lãi suất theo đúng cam kết nhưng bà L cố tình tránh mặt. Ông K và bà Vân A khởi kiện bà L yêu cầu:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trương Công K cùng vợ là bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền đã vay là 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2022 và lãi suất chậm trả được tạm tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày 10/01/2024 (09 tháng) theo quy định pháp luật là 10%/năm với số tiền tạm tính là 15.000.000 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền đã vay là: 960.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 26/5/2022, tiền lãi suất theo thoả thuận trong thời hạn vay từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/5/2023 (12 tháng) là 0,5%/tháng, số tiền tạm tính là 57.600.000 đồng và lãi suất chậm trả được tạm tính từ ngày 26/5/2023 đến ngày 26/01/2024 (07 tháng) theo quy định của pháp luật là 150% lãi suất vay; số tiền tạm tính là: 50.400.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Giấy vay tiền ngày 10/4/2022 và hợp đồng vay tiền không có tài sản đảm bảo ngày 26/5/2022.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L: Bà L không tham gia tố tụng, qua xác minh xác định bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B đường T,

tổ B, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng hiện nay đã đi khỏi địa chỉ trên, không xác định được đi đâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà bà L vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Bà H và bà Nguyễn Thị L là bạn chơi cùng nhau từ nhỏ. Bà H không có mối quan hệ gì với vợ chồng ông K và bà Vân A. Bà H chỉ biết bà Vân A có mối quan hệ bạn bè với bà L. Bà H biết bà L và bà Vân A cùng nhau hùn hạp làm ăn chung với nhau, cùng mở cửa hàng bán đồ ăn ở huyện P. Bà H không biết Giấy vay mượn tiền đề ngày 10/4/2022. Sau này bà Vân A lên quán của bà H thì bà Vân A có nói cho bà H biết việc bà L mượn tiền và ký chữ ký tên của bà H thì bà H mới biết về sự tồn tại của Giấy vay mượn tiền đề ngày 10/4/2022. Dấu lăn tay, chữ ký và dòng chữ "Phạm Thị H" chỗ mục ký tên ĐẠI DIỆN BÊN B đó không phải là dấu lăn tay, chữ viết và chữ ký của bà H. Theo bà H thì dòng chữ "Phạm Thị H" là do bà L viết. Bà H nghĩ là do bà L viết bởi vì bà H và bà L là bạn học chung từ nhỏ nên bà H biết rõ mặt chữ của bà L. Bà H không biết hiện giờ bà L đang sinh sống ở đâu. Bà H biết bà L trốn nợ cách đây 01 năm trước. Bà H không còn liên lạc với bà L. Cách đây 06 tháng bà H có liên lạc với bà L qua Zalo rồi sau đó bà L chặn liên lạc với bà H.

Ông K với bà Vân A có báo cho bà H biết về việc bà L giả chữ ký, thông tin về họ tên và số chứng minh nhân dân của bà H để thực hiện hợp đồng vay tiền. Bà Vân A có hỏi bà H về việc bà H nhờ bà L mượn tiền dùm thì bà H mới phát hiện ra bà L đã giả chứng minh nhân dân, tên tuổi của bà H để mượn tiền. Ngoài ra, theo bà Vân A kể lại cho bà H biết là bà L còn sử dụng tài khoản Zalo giả mạo tên của bà H để nhắn tin bà Vân A để hứa hẹn trả tiền. Bà H không đồng ý trả nợ thay bà L cho bà Vân A và ông K. Bà H không có yêu cầu độc lập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà L trả cho bà Vân A và ông K khoản nợ 200.000.000 đồng mà bà L vay ngày 10/4/2023 là 221.855.000 đồng (gốc và lãi) đối với khoản nợ 960.000.000 đồng mà bà L vay của ông K và bà Vân A ngày 26/5/2022 là 1.101.120.000 đồng (gốc và lãi).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị L, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 1.101.120.000 đồng (một tỷ một trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn).

1.2. Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị L, về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 221.889.000 (hai trăm hai mươi triệu tám trăm tám mươi chín nghìn) đồng (đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2022).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: đối với khoản vay 960.000.000 đồng mà bà L vay của ông K và bà Vân A ngày 26/5/2022 là có căn cứ buộc bà L trả gốc và lãi là 1.101.120.000 đồng. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, trên giấy vay ghi tên bà Phạm Thị H, chứ không phải tên bà L; bà L đã đi khỏi nơi cư trú, không tham gia tố tụng vụ án nên không xác định được bà L vay hay không nên chưa đủ căn cứ buộc bà L trả khoản tiền này. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại cấp sơ thẩm, bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, Toà án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại cấp phúc thẩm, Toà án đã thực hiện việc niêm yết công khai triệu tập xét xử 02 lần nhưng bị đơn không tham gia. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn ông K, bà Vân A kháng cáo về việc Toà án không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn bà L trả 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2022 và lãi suất chậm trả được tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử

15/5/2024 (là 13 tháng 5 ngày) theo quy định pháp luật là 10%/năm, với số tiền tạm tính là 221.889.000 đồng (gốc và lãi). Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 10/4/2022. Ngoài ra không kháng cáo nội dung nào khác; do đó, phần quyết định của bản án không bị kháng cáo đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Xét "Giấy vay mượn tiền" ngày 10/4/2022, Toà án nhận thấy "Giấy vay mượn tiền" thể hiện nội dung ngày 10/4/2022, bà Phạm Thị H có vay của bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 10/4/2023, bên dưới có chữ ký ghi Phạm Thị H. Như vậy, theo nội dung giấy vay mượn tiền này thể hiện người vay tiền của bà Vân A không phải tên của bà Nguyễn Thị L. Nguyên đơn cho rằng vì bà L muốn che giấu gia đình việc vay tiền của bà Vân A nên không viết tên thật của bà L mà sử dụng tên bà Phạm Thị H. Quá trình tố tụng, bà L đều vắng mặt và qua làm việc bà Phạm Thị H, bà H xác định bà H không vay tiền của bà Vân A. Trong vụ án này, nguyên đơn chưa yêu cầu giám định chữ ký trong giấy vay tiền có phải do bà L viết và ký tên bà H hay không. Do đó, chưa đủ căn cứ chứng minh bà Vân A có cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/4/2022.

[5] Trường hợp này, Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chưa đủ căn cứ này và nguyên đơn có quyền khởi kiện lại yêu cầu này khi có chứng cứ chứng mình cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

[8] Án phí phúc thẩm: kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

[9] Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L, về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 221.889.000 (hai trăm hai mươi mốt triệu tám trăm tám mươi chín nghìn) đồng đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2022.

Ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A có quyền khởi kiện lại vụ án đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2022.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 25.246.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004109 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 24.946.000 (hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực như sau:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 1.101.120.000 đồng (một tỷ một trăm lẻ một triệu một trăm hai mươi nghìn).

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu 45.033.600 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm).

3.3. Chi phí tố tụng khác: bị đơn phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng. Nguyên đơn đã nộp thay bị đơn nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

4. Án phí phúc thẩm: trả lại cho ông Trương Công K và bà Nguyễn Vũ Bảo Vân A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0004541 ngày 13/6/2024 và Biên lai số 0002104 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài